Các mô thức phát triển

Chính sách Phát triển
FETP

Nội dung chính

1. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu
2. Tăng trưởng và phát triển
3. Quá trình phát triển và những thay đổi
4. Năm đặc trưng của những nước tăng trưởng nhanh

Longest-Run Economic Growth

Year	Population*	GDP per Capita**
-5000	5	$130
-1000	50	$160
1	170	$135
1000	265	$165
1500	425	$175
1800	900	$250
1900	1625	$850
1950	2515	$2030
1975	4080	$4640
2000	6120	$8175

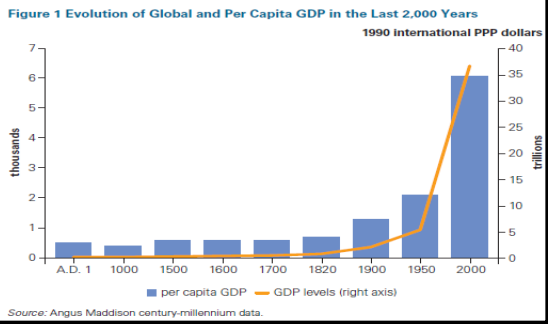
*Millions

**In year-2000 international dollars.

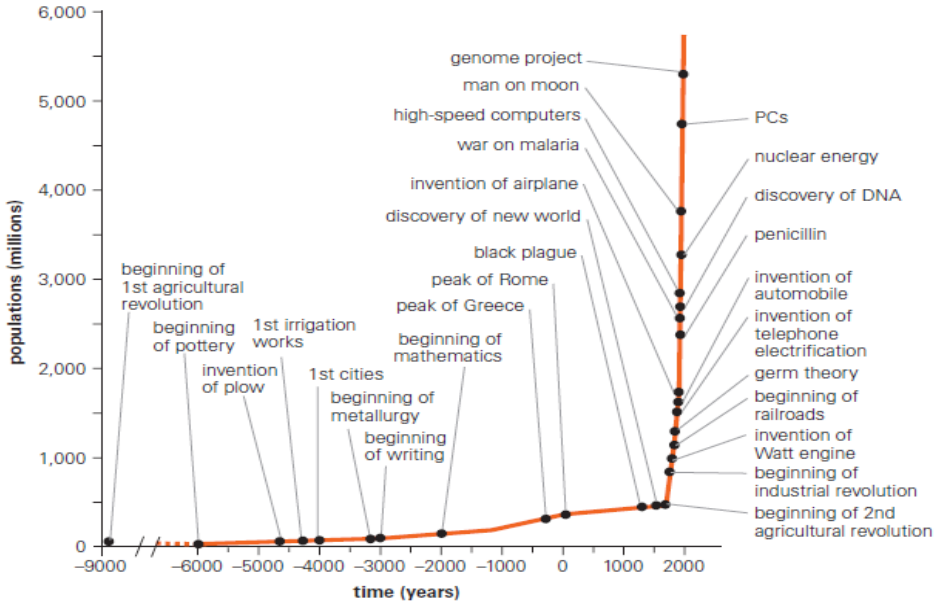
Nguồn: J. Bradford DeLong

Ước tính của Angus Maddison

- gPCI: tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người
- 1-1000: gPCI = 0%
- 1000-1820: gPCI = 0,05%
  - 800 năm: PCI tăng 50%!; 1400 năm PCI gấp đôi
- Từ 1820, #180 năm PCI tăng 1,2%
  - 58 năm: PCI tăng gấp đôi



Growth in incomes was accompanied by unprecedented increases in population and exponential increases in the rate of scientific discoveries.



Source: Fogel, Robert. 1999. "Catching Up with the Economy." *American Economic Review* 89(1) (March): 1–21.

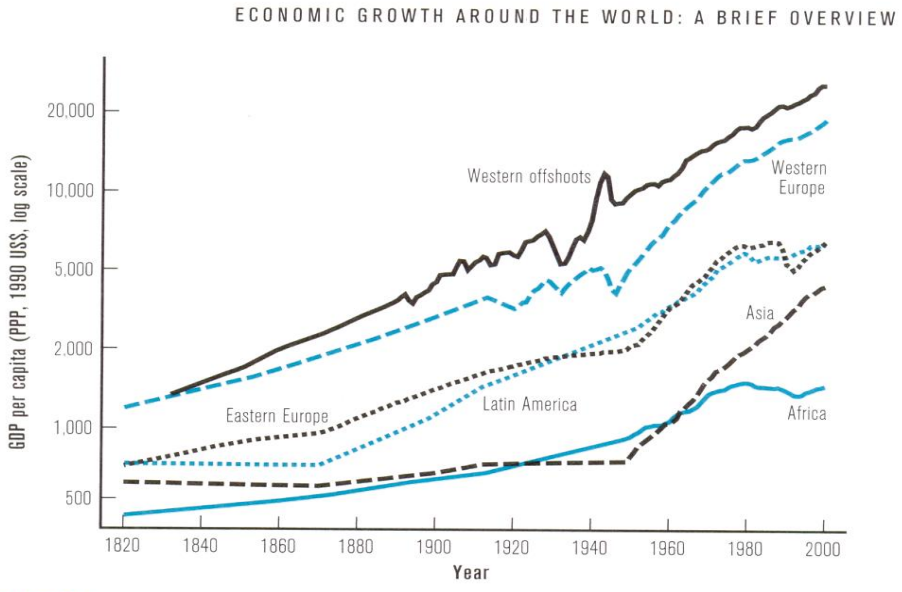


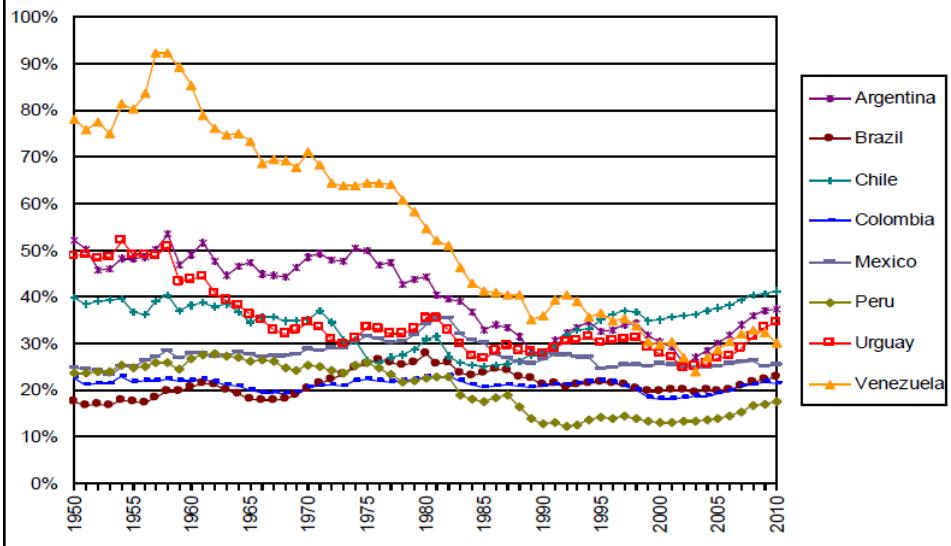
FIGURE 2–1. **Levels of GDP per Capita by Region: 1820–2001**

Note: Western "offshoots" include Australia, Canada, New Zealand, and the United States.

Source: Maddison www.eco.rug.nl/~Maddison/content.shtml.

Latin America

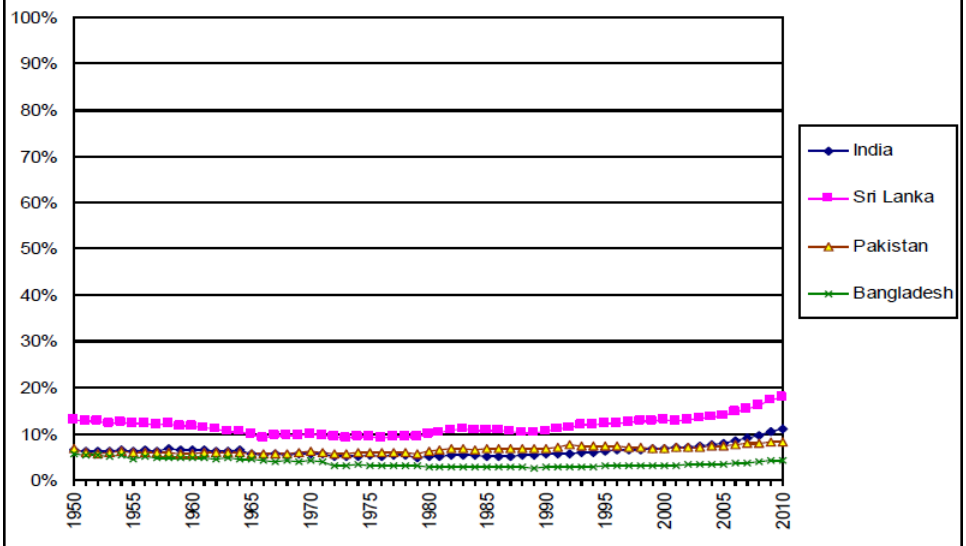
Per capita real income relative to US
(Measured by the 1990 international Geary-Khamis dollars)



Sources: Angus Maddison, The *World Economy: Historical Statistics*, OECD Development Centre, 2003; the Central Bank of the Republic of China; and IMF, *World Economic Outlook Database, April 2010* (for updating).

South Asia

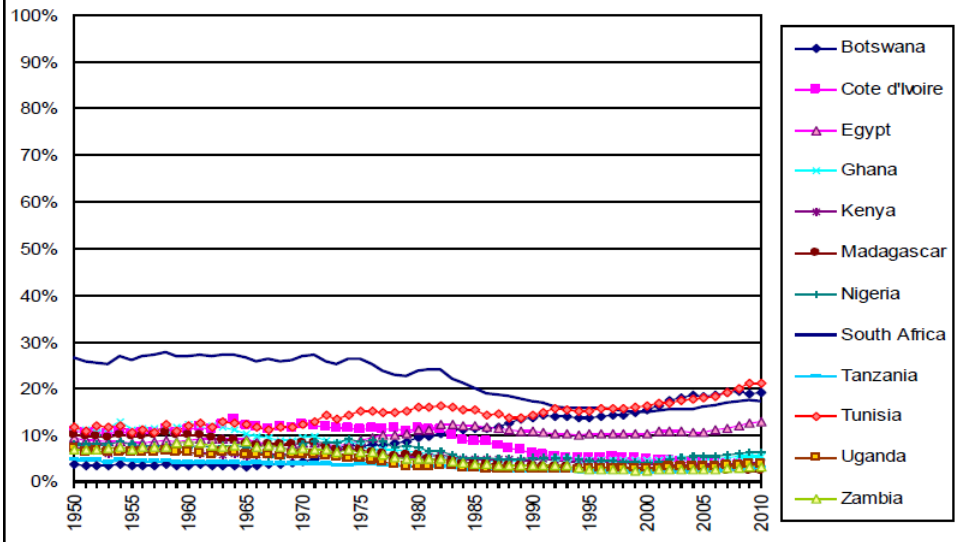
Per capita real income relative to US
(Measured by the 1990 international Geary-Khamis dollars)



Sources: Angus Maddison, The *World Economy: Historical Statistics*, OECD Development Centre, 2003; the Central Bank of the Republic of China; and IMF, *World Economic Outlook Database, April 2010* (for updating).

Africa

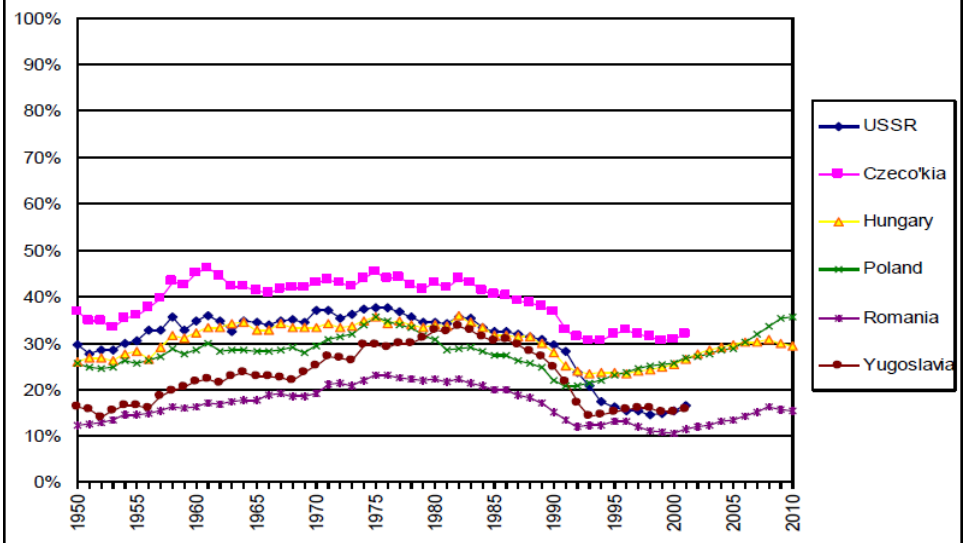
Per capita real income relative to US
(Measured by the 1990 international Geary-Khamis dollars)



Sources: Angus Maddison, The *World Economy: Historical Statistics*, OECD Development Centre, 2003; the Central Bank of the Republic of China; and IMF, *World Economic Outlook Database, April 2010* (for updating).

Russia & Eastern Europe

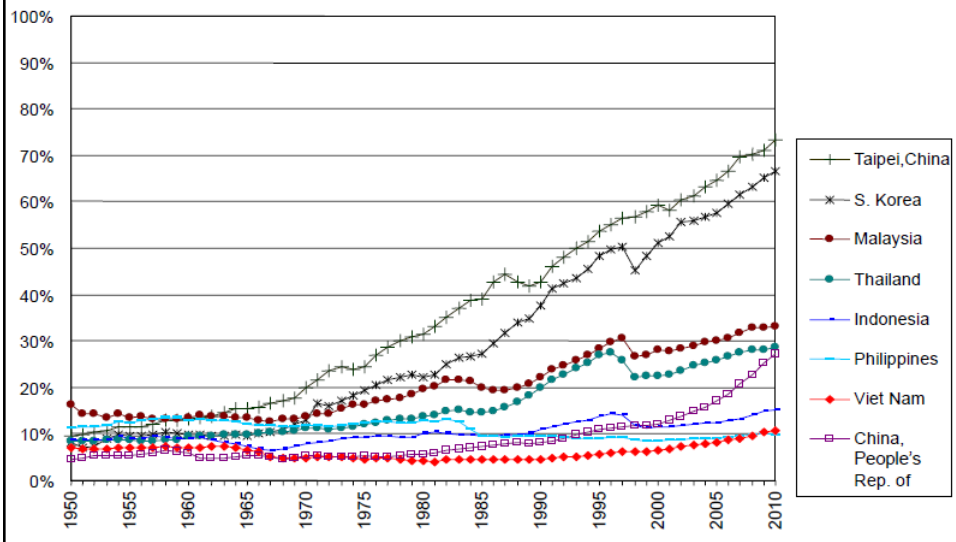
Per capita real income relative to US
(Measured by the 1990 international Geary-Khamis dollars)



Sources: Angus Maddison, The *World Economy: Historical Statistics*, OECD Development Centre, 2003; the Central Bank of the Republic of China; and IMF, *World Economic Outlook Database, April 2010* (for updating).

Speed of Catching Up: East Asia

Per capita real income relative to US
(Measured by the 1990 international Geary-Khamis dollars)



Sources: Angus Maddison, The *World Economy: Historical Statistics*, OECD Development Centre, 2003; the Central Bank of the Republic of China; and IMF, *World Economic Outlook Database, April 2010* (for updating).

Bẫy thu nhập trung bình

- "Bẫy" xảy ra khi một quốc gia bị dính chặt với mức thu nhập mà chủ yếu được tạo ra do nguồn lực và lợi thế ban đầu, và không thể tiếp tục vượt lên khỏi mức này.

Kenichi Ohno (2011)

Bẫy thu nhập trung bình

- Nhiều nước có thể đạt mức thu nhập trung bình nhờ tự do hóa và hội nhập, nhưng để đạt mức thu nhập cao hơn cần nỗ lực chính sách nhằm thúc đẩy tính năng động của khu vực tư nhân.
- Tăng trưởng dựa vào FDI, dự án khổng lồ, nguồn lực tự nhiên, hay lợi thế nội địa cuối cùng cũng sẽ kết thúc. Nguồn lực thực sự của phát triển chính là sự sáng tạo giá trị bởi nguồn nhân lực (kiến thức, kỹ năng, công nghệ).
- Chính sách và thể chế phải thúc đẩy sự hình thành vốn nhân lực (thông qua toàn cầu hóa nhưng khác với những gì đã thực hiện trong quá khứ).

Kenichi Ohno (2011)

Tăng trưởng là tất cả?

Triển vọng châu Á năm Rồng

- Tổng khối lượng kinh tế sẽ lên đến 52% toàn cầu vào năm 2050.
- Trung hạn, châu Á sẽ đối mặt với nhiều khó khăn, đặc biệt là từ bất bình đẳng trong xã hội… Trung Quốc chẳng hạn, … Gini, tăng từ 25,6 (1990) lên 34,8 (2005), không như những năm 1980, tăng trưởng đi kèm giảm khoảng cách giàu nghèo.
- Bất công trong xã hội trở thành yếu tố nghiêm trọng nhất có thể dẫn đến bất ổn và ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng. Vì thế các chính phủ trong năm tới và nhiều năm sau cần đảm bảo sao cho các lợi ích về kinh tế được phân bổ đến các nhóm trong xã hội như phụ nữ và người nghèo, đến các vùng sâu. Dân số đang già nhanh chóng của châu Á cũng đặt ra vấn đề về an sinh, y tế và giáo dục.

Haruhiko Kuroda, chủ tịch Ngân hàng Phát triển châu Á ADB

http://vnexpress.net/gl/the-gioi/phan-tich/2012/01/trien-vong-chau-a-trong-nam-rong/

Vấn đề đang nổi lên

- Ai lợi/thiệt từ đầu tư nước ngoài và hội nhập với mạng thương mại toàn cầu?
- Các chính phủ nên xúc tiến đầu tư, công nghiệp hóa và xuất khẩu như thế nào?
- Dịch chuyển cơ cấu ảnh hưởng gì đến người dân nông thôn và giảm nghèo ở các nước đang phát triển?
- Nhà nước nên làm gì với giáo dục và y tế để giúp hòa nhập và trở thành người lao động hữu ích ở những ngành công nghiệp toàn cầu và tiên tiến hơn?
- …

Nước giàu và nước nghèo

Căn cứ mức độ phát triển

- ***Developed and Developing countries*** (Less-developed countries - LDCs)
- ***Industrialized countries*** (phát triển và công nghiệp hóa)
- ***Emerging economies*** (sản lượng công nghiệp tăng trưởng nhanh: vài nước châu Á, Đông Âu, châu Mỹ La tinh)
- ***Postindustrial countries or Service-based economies*** (tài chính, R&D, dịch vụ y tế…)

Nước giàu và nước nghèo

Ngoài ra,

- ***Transitional economies***
- ***Third world*** (1980s) (the rest)
- ***Second world*** (industrialized, formerly centrally planned economies of Eastern Europe)
- ***"First" world*** (industrialized (OECD) economies of Western Europe, North America and the Pacific)
- ***North*** (first and second worlds) and ***South*** (third world: wealthy oil exporters, very low-income, poorly endowed countries)

Nước giàu và nước nghèo

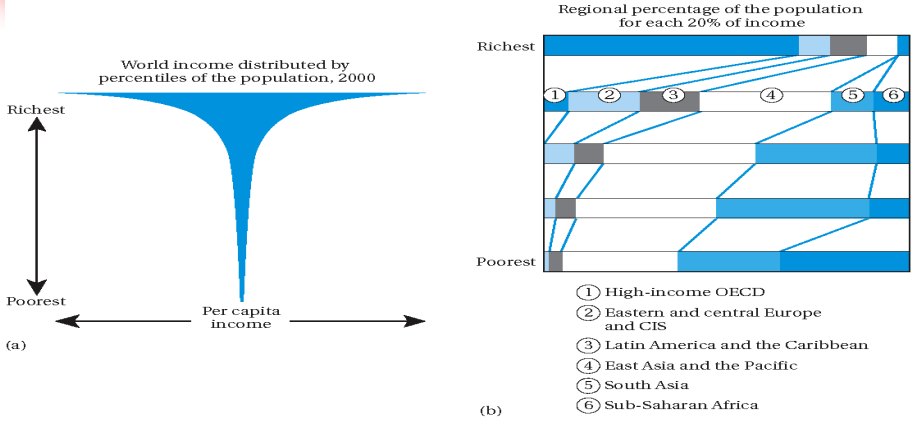
WDI-WB 2011, GNI bình quân (USD hiện hành), số liệu năm 2009:

- Low-income: (=< $995)
- Lower middle-income: ($996 - $3945)
- Upper middle-income: ($3946 - $12195)
- High-income: (>= $12196)

Nước giàu và nước nghèo

- Developing world:
  - "low" & "middle" income
  - > 5 tỷ dân số [5,659 tỷ (2009)]
- Developed world:
  - "high" income
  - # 1 tỷ dân số [1,117 tỷ (2009)]
- Tỷ lệ thu nhập: Developing/Developed
  - #1/4: theo USD
  - #4/5: theo PPP

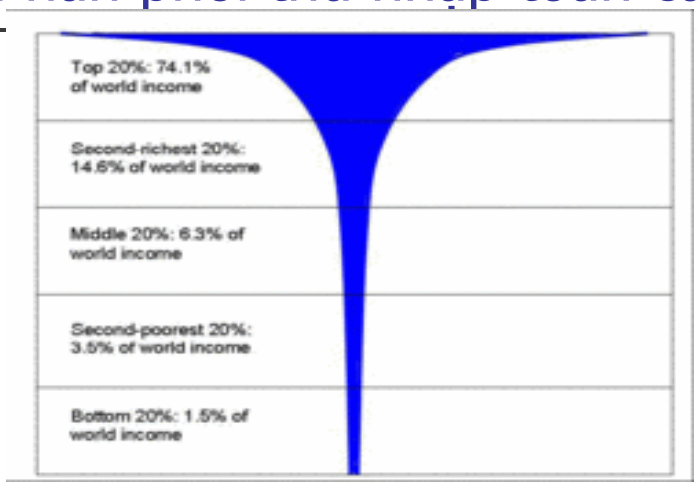
Phân phối thu nhập toàn cầu



Part (a) shows world income distribution by percentile. The huge share controlled by the top percentiles gives the graph its "champagne glass shape." Part (b) shows the regional shares of global income. For example, a large majority of people in the top 20% of the global income distribution live in the rich countries. Most of those in the bottom 60% live in sub-Saharan Africa and Asia.

Source: United Nations Development Program, *Human Development Report, 2005* (New York: Oxford University Press, 2005), p. 37. Used by permission.

Phân phối thu nhập toàn cầu



Source: Data from "Trends in Global Income Distribution, 1970-2000, and Scenarios for 2015," Yuri Dikhanov, UNDP. Human Development Occasional Paper 2005/8.

Các mô thức tăng trưởng

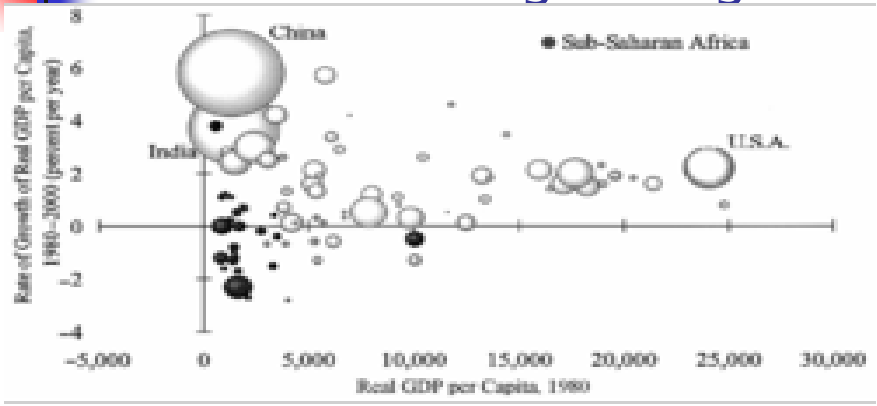


Figure 5: The Relation Between Average Annual Growth (1980-2000) and Real GDP Per Capita, with Area Proportional to Population. Some countries have achieved high levels of income per person, but many—which contain the bulk of the world's population—remain poor. China and India have recently experienced strong rates of growth, while most of the countries of Sub-Saharan Africa (shown as solid dots) have grown slowly or lost ground. (Source: Stanley Fischer, "Globalization and It's Challenges," American Economic Review 93(2), 2003, p. 12.)

So sánh thu nhập

	GNI, PPP (current international $, 2009)	GNI, Atlas method (current US$), 2009)
High income	56%	72%
East Asia & Pacific	16%	10%
Europe & Central Asia	7%	5%
Latin America & Caribbean	8%	7%
Middle East & North Africa	4%	2%
South Asia	7%	3%
Sub-Saharan Africa	2%	1%

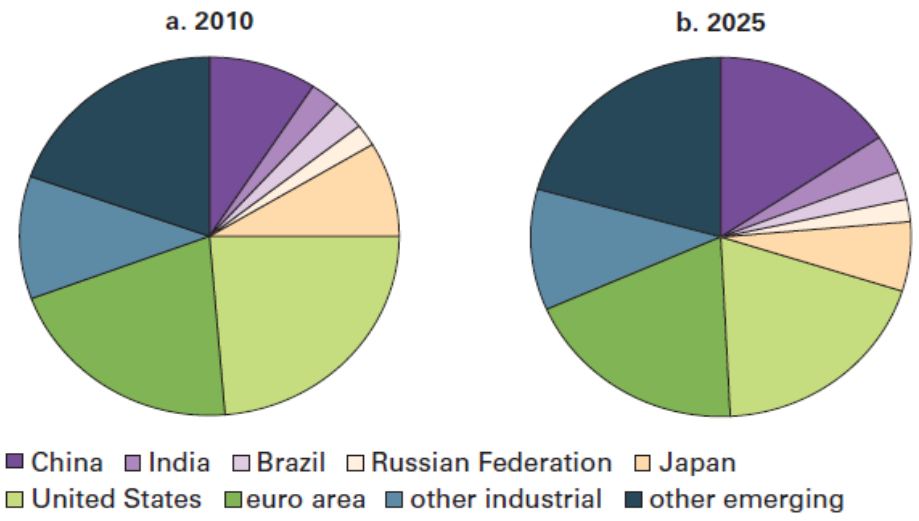
Nguồn: Atlas Global of Development, Third Edition 2011

Các nền kinh tế lớn nhất, 2009

Rank	Country	GNI, PPP current international $ (billions)
1	United States	14,345
2	China	8,940
3	Japan	4,246
4	India	3,736
5	Germany	3,027
6	Russian Federation	2,609
7	United Kingdom	2,310
8	France	2,193
9	Brazil	1,988
10	Italy	1,887

Nguồn: Atlas Global of Development, Third Edition 2011

FIGURE 1.16 Global real output shares, 2010 and 2025, baseline scenario



Source: World Bank staff calculations.
Note: Real shares are expressed in terms of constant 2009 U.S. dollar prices.

Taêng tröôûng kinh teá

PPF dịch ra ngoài.

Tăng thu nhập, thu nhập bình quân đầu người.

- *Tăng trưởng là sự gia tăng một cách bền vững của sản lượng bình quân đầu người hay sản lượng trên mỗi lao động (Simon Kuznets)*
- *Tăng trưởng kinh tế xảy ra nếu sản lượng tăng nhanh hơn dân số (Douglass C. North và Robert Paul Thomas)*

Phaùt trieån kinh teá

Phát triển = Chất lượng cuộc sống = Phúc lợi (vật chất, môi trường, an sinh…)

- *Tăng trưởng có khi không đi cùng chất lượng cuộc sống và phát triển con người*
- *Thu nhập đầu người như nhau nhưng rất khác nhau về chất lượng cuộc sống*

Muïc tieâu phaùt trieån

Không chỉ tăng GDP(Y), PCI(y) mà còn Phát triển bền vững, Giảm nghèo, Phát triển con người...

Nghèo-Giàu: *không chỉ PCI, mà còn mức sống vật chất, tinh thần, chất lượng hàng hoá dịch vụ, tuổi thọ, sức khoẻ, chăm sóc y tế, giáo dục, an toàn an sinh XH, cơ hội nghề nghiệp, hệ thống luật pháp, khả năng điều hành của chính phủ, môi trường và cơ hội kinh doanh, mức độ phát triển của thị trường.*

Tăng trưởng và phát triển KT – sử dụng thay thế.

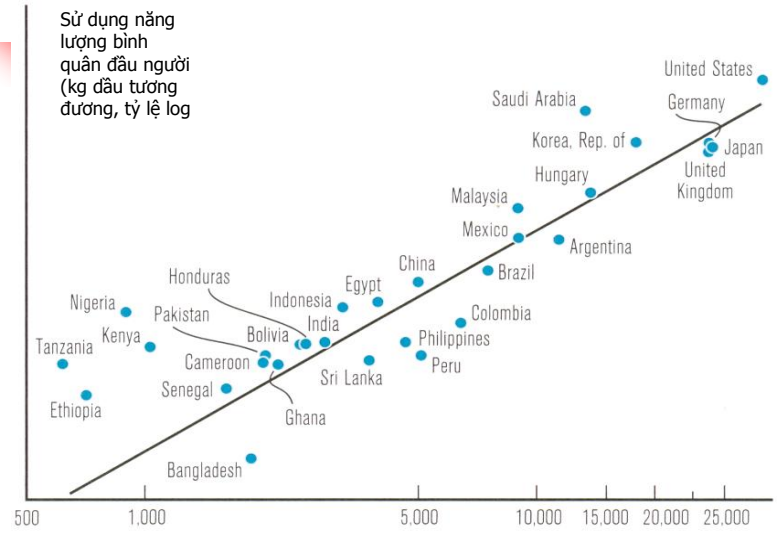
Phát triển và thay đổi cấu trúc nền kinh tế

- So sánh trình độ phát triển
  - Thu nhập, thu nhập bình quân, PPP…
  - Hiệu suất sử dụng nguồn lực sản xuất
  - Cơ cấu kinh tế…
- Phát triển và thay đổi cấu trúc nền kinh tế
  - Cơ cấu sản xuất và di chuyển nguồn lực
  - Đóng góp các ngành sản xuất vào GDP
  - Thay đổi dân số học
  - Nhu cầu và cơ cấu hàng hóa tiêu dùng
  - …

Quá trình phát triển đi kèm những chỉ báo

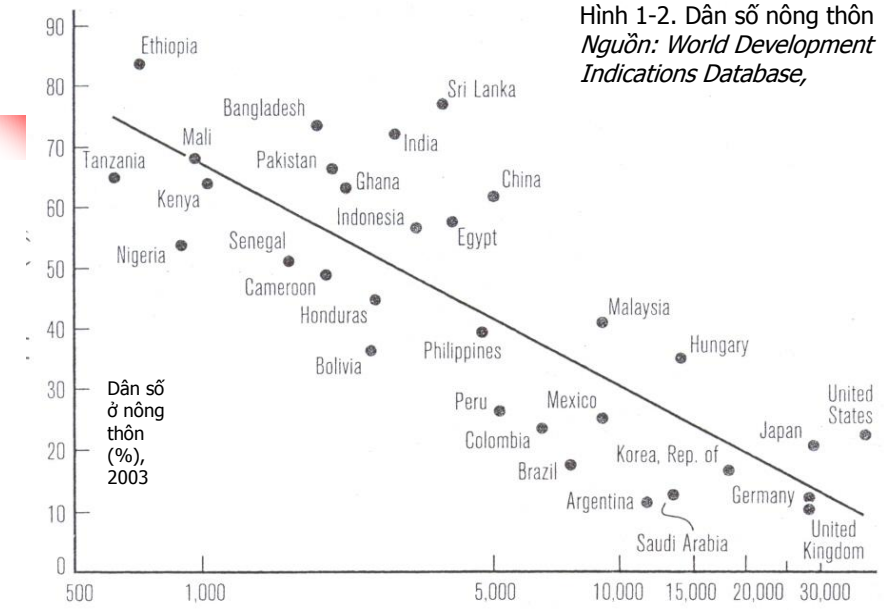
- GNI bình quân đầu người (USD và PPP)
- Sử dụng năng lượng bình quân đầu người
- Dân số nông thôn (% tổng dân số)
- Tuổi thọ kỳ vọng
- Trình độ học vấn
- ...

Hình 1-1. Tiêu dùng năng lượng bình quân đầu người
Nguồn: World Development Indications Database



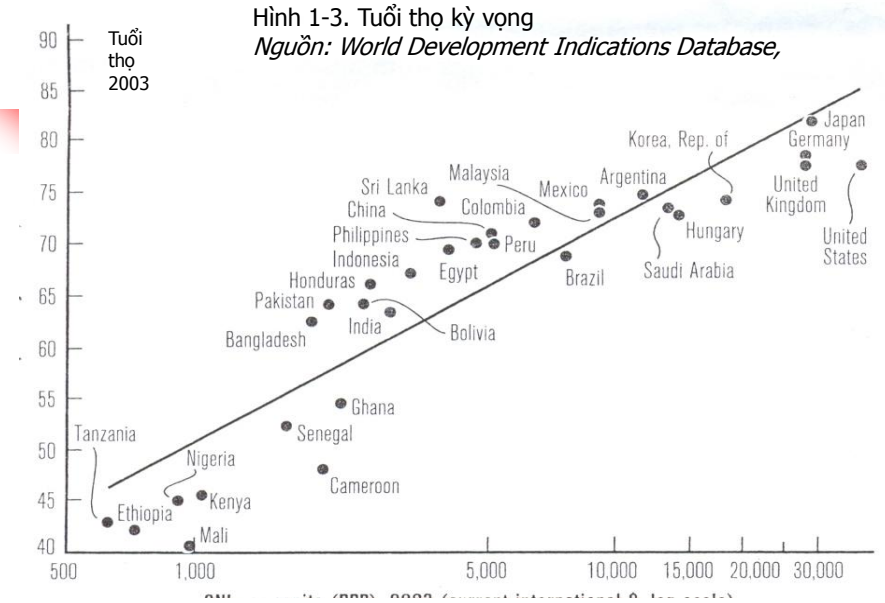
GNI bình quân đầu người (ppp), 2003 ($quốc tế hiện nay, tỷ lệ logarit)

Hình 1-2. Dân số nông thôn
Nguồn: World Development Indications Database,

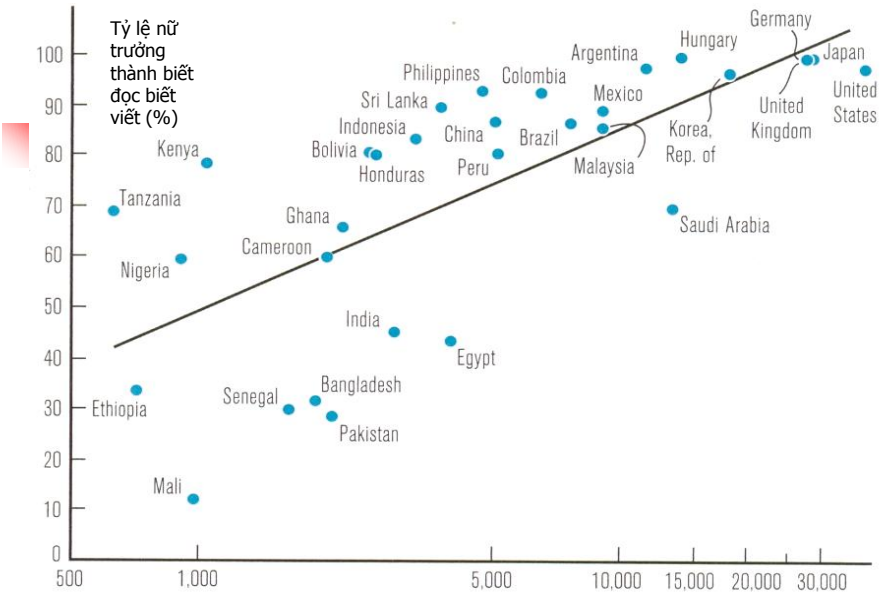


GNI bình quân đầu người (ppp), 2003 ($quốc tế hiện nay, tỷ lệ lôgarít)

Hình 1-3. Tuổi thọ kỳ vọng
Nguồn: World Development Indications Database,



GNI bình quân đầu người (ppp), 2003 ($ quốc tế hiện nay, tỷ lệ lôgarít)



GNI bình quân đầu người (ppp), 2003 ($quốc tế hiện nay, tỷ lệ log)

Đặc tính chung của các nước đang phát triển

1. Mức sống và năng suất thấp hơn
2. Mức vốn nhân lực thấp hơn
3. Mức bất bình đẳng và nghèo tuyệt đối cao hơn
4. Tăng trưởng dân số cao hơn
5. Phân hóa xã hội lớn hơn
6. Dân số nông thôn lớn hơn – di dân nhanh chóng ra các đô thị
7. Mức độ công nghiệp hóa và xuất khẩu hàng chế tạo thấp hơn
8. Vị trí địa lý bất lợi
9. Các thị trường tài chính và các thị trường khác kém phát triển
10. Di sản thuộc địa – thể chế yếu kém…

Nước thu nhập thấp và nước phát triển

- Tám khác biệt
  1. Nguồn nhân lực và vật chất
  2. Mức GDP và PCI
  3. Môi trường và hoàn cảnh
  4. Tăng trưởng, phân phối và qui mô dân số
  5. Di dân quốc tế
  6. Lợi ích thương mại quốc tế
  7. Nghiên cứu khoa học và công nghệ
  8. Hiệu quả và hiệu lực của thể chế nội địa

Nhiều con đường đi đến phát triển - Sự thay thế

- "Nước Anh trước cách mạng công nghiệp đã trải qua hàng thế kỷ với CNTB thương nghiệp.
- Liệu *Ghana hay Indonesia cũng phải có kinh nghiệm với CNTB thương nghiệp thì mới phát triển?*
- Nếu vậy, những quốc gia này còn phải chịu nghèo nàn thêm một thế kỷ hay dài hơn nữa."
- Nhiều con đường đi đến phát triển - Sự thay thế!

Đặc trưng của các nền kinh tế tăng trưởng nhanh

1. Ngoài nhập lượng và năng suất, yếu tố nào khác góp phần giải thích khả năng thu hút đầu tư và tích lũy vốn, tăng hiệu quả, và đạt được công nghệ mới?
2. Đặc tính gì phân biệt giữa nước tăng trưởng nhanh - chậm?

Đặc trưng của các nền kinh tế tăng trưởng nhanh

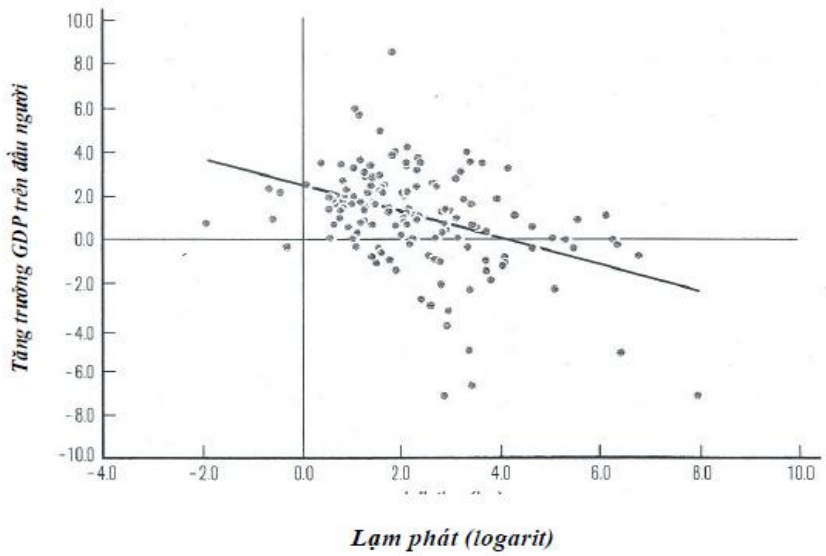
Các công trình nghiên cứu và 5 đặc tính:

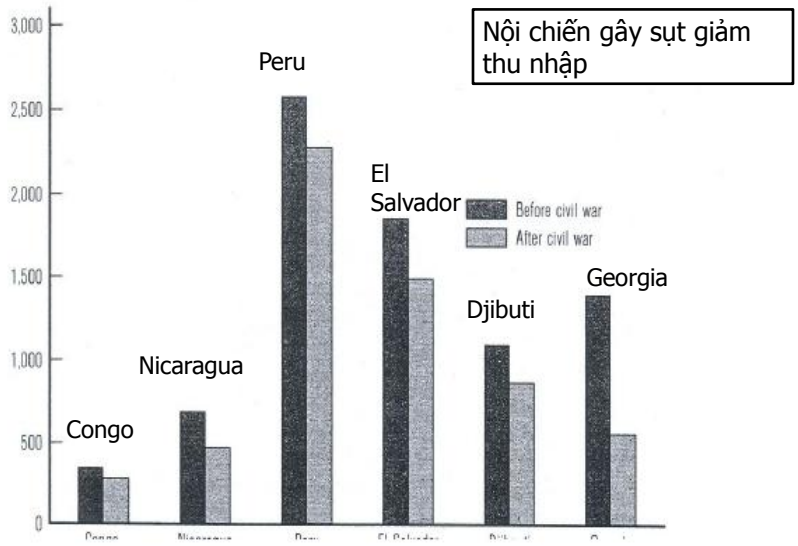
1. Ổn định chính trị và kinh tế vĩ mô.
2. Đầu tư vào giáo dục và y tế.
3. Các thể chế và quản trị hiệu quả.
4. Môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân.
5. Vị trí địa lý thuận lợi.

Ổn định chính trị và kinh tế vĩ mô

- Ổn định chính trị và ổn định kinh tế vĩ mô?
- Bất ổn kinh tế và chính trị tác động như thế nào đến tăng trưởng và phát triển?

Hình 3-2 Lạm phát và tăng trưởng trong thập niên 90
Những nước có tỷ lệ lạm phát cao hơn nhìn chung có tỷ lệ tăng trưởng kinh tế thấp hơn.
Nguồn: Các chỉ báo phát triển thế giới 2004.

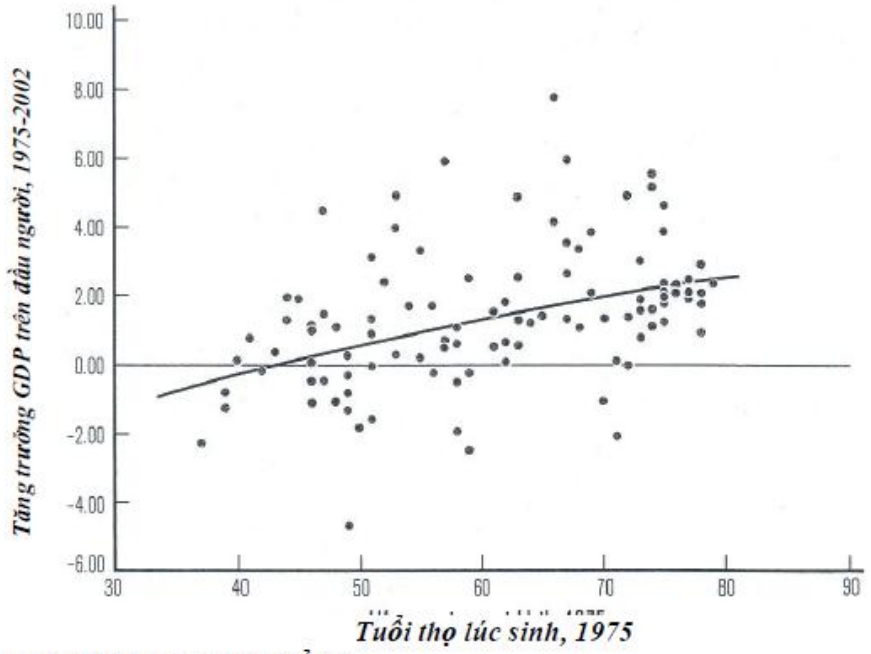




Nguồn: Số liệu nội chiến lấy từ nghiên cứu của Paul Collier, V. L. Elliot, Havard Hegre, Anke Hoeffler, Marta Reynal Querol, và Nicholas Sambanis, *Breaking the Conflict Trap: Civil War and Development Policy* (Washington D.C. World Bank and Oxford University Press, 2003); số liệu GPD trên đầu người lấy từ Các chỉ báo phát triển thế giới 2004.

Đầu tư giáo dục và y tế

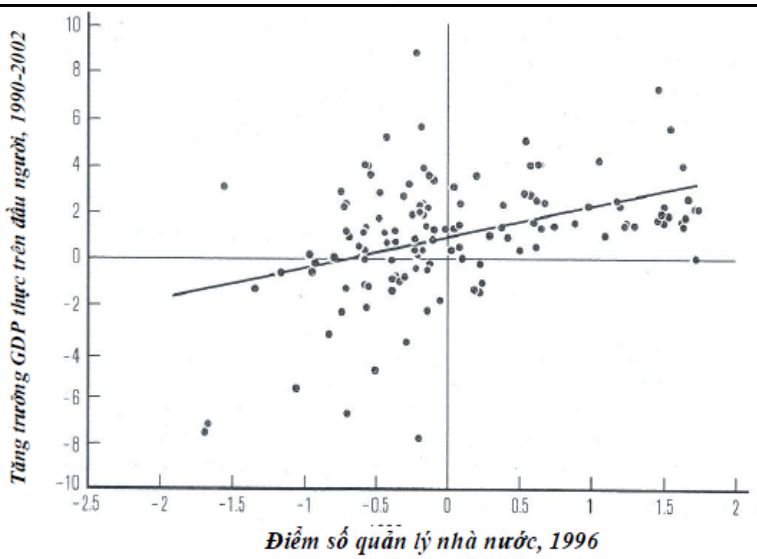
- Nước với tuổi thọ cao có xu hướng tăng trưởng nhanh hơn.
- Tuổi thọ tác động đến năng suất, tiết kiệm và tích lũy vốn?
  - Đầu tư giáo dục và tăng cường kỹ năng.
  - Phương tiện chăm sóc sức khoẻ, nước sạch và vệ sinh, chương trình kiểm soát bệnh tật…
  - Tăng trưởng và tuổi thọ có tác động 2 chiều và theo hướng thuận chiều
  - Cải thiện mức và chất lượng giáo dục nên được hiểu theo hướng gia tăng năng suất và tăng cường lực lượng lao động có kỹ năng



Hình 3-4 Tăng trưởng và tuổi thọ

Các thể chế và quản trị hiệu quả

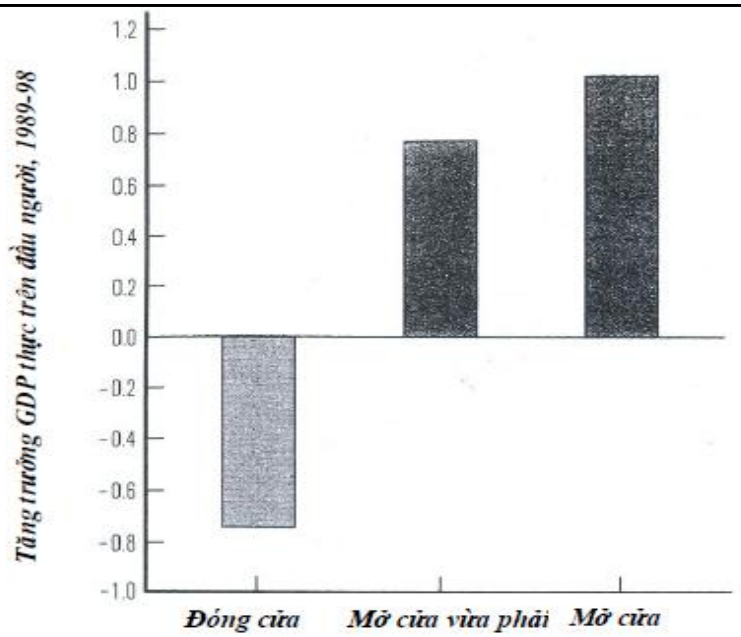
- Quan hệ tăng trưởng và hệ thống luật pháp, tham nhũng, quyền sở hữu, chất lượng bộ máy chính phủ, …
  - Quản trị và thể chế vững mạnh hơn giúp cải thiện môi trường cho đầu tư (giảm rủi ro, tăng khả năng tạo ra lợi nhuận)



Hình 3-5 Quản lý nhà nước và tăng trưởng
Lưu ý: Các điểm số về quản lý nhà nước là bình quân đơn giản của các cấu phần như tiếng nói và trách nhiệm giải trình, ổn định chính trị, sự cai trị của luật pháp, hiệu lực chính phủ, chất lượng luật lệ qui định, và kiểm soát tham nhũng trong bộ số liệu quản lý nhà nước do Daniel Kaufmann, Aart Kraay và Massimo Mastruzzi xây dựng, như mô tả trong "Governance Matters III: Governance Indicators for 1996-2002."

Môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân

- Tăng trưởng bền vững liên quan k/v tư nhân về các quyết định đầu tư, tiết kiệm, giáo dục, cơ hội việc làm.
- Chính sách nông nghiệp là trung tâm của tiến trình phát triển
- Tạo môi trường rất quan trọng cho tăng trưởng
- Mở cửa cho ngoại thương

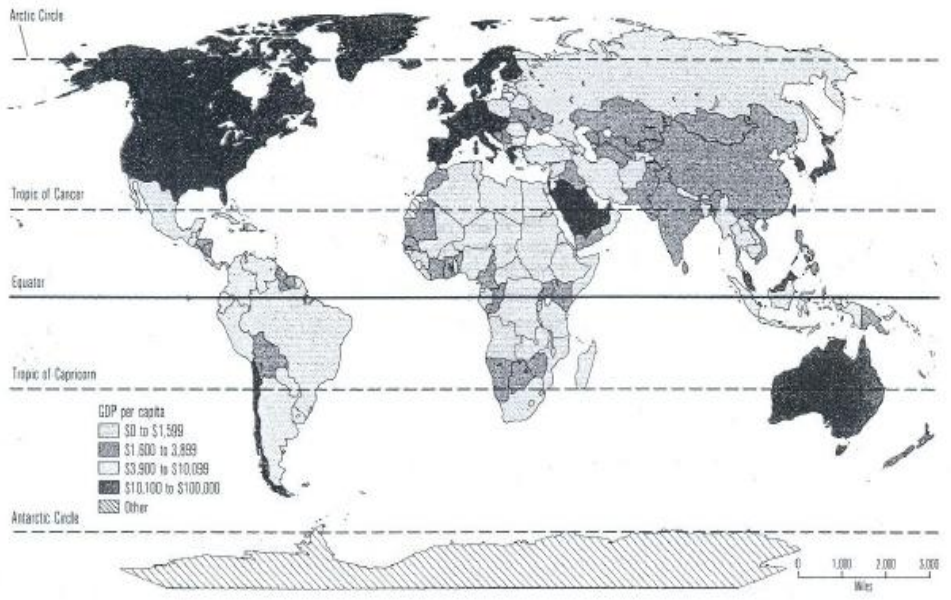


Hình 3-6 Mở cửa và tăng trưởng

Vị trí địa lý thuận lợi

- Hầu hết nước thu nhập cao thuộc khu vực khí hậu ôn đới,
- Hầu hết nước vùng nhiệt đới, sâu trong đất liền lại nghèo

Hầu hết nước thu nhập cao thuộc khu vực khí hậu ôn đới, nước vùng nhiệt đới lại nghèo



Hình 3-8 Địa lý và tăng trưởng

